

1997-1998 USFA Point Standings Cadet Women's Epee

NAME	BTH	TOTAL	GRP II	97 U16's	Jan 98 CDT	98 CDT JO's	Apr 98 CDT	97 U19's	Nov 97 JNR	Jan 98 JNR	98 JNR JO's	97 CANADA	9798 NAC1	9798 NAC2	9798 NAC3	9798 NAC4	98 DIV I	Other Scores
1 Stevens, Arlene	81	8365	3148	np 0	np 0	np 0	np 0	1 600	6 417	1 600	np 0	29 290	6 695	np 0	6 695	2 920	1 1000	
2 Rudkin, Kate	81	7291	1776	1 400	np 0	np 0	np 0	3 510	2 552	7 414	np 0	11 525	7 690	9 535	14 504	7 690	6 695	
3 Ament, Andrea	82	4221	556	np 0	1 400	1 400	np 0	np 0	5 420	3 510	5 420	9 535	np 0	14.5 503	11 531	np 0	19 346	
4 Campbell, Lindsay	81	3367		np 0	2 368	3 340	np 0	5 420	np 0	22 205	6 417	np 0	13 506	27 285	15 502	np 0	12 529	
5 Shaahid, Sakinah N	81	2348		np 0	3 340	np 0	np 0	np 0	25 172	18 209	np 0	np 0	16 500	np 0	19 346	30 279	15 502	
6 Walton, Kerry	82	1929		3 340	np 0	6 278	np 0	3 510	10 320	np 0	8 411	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	18 348	
7 Hobstetter, Sarah	81	1687		13 203	8 274	7 276	np 0	13 303	9 321	np 0	3 510	np 0	31 277	np 0	np 0	np 0	np 0	
8 Chin, Meredith M	82	1666		5 280	6 278	9 214	14 202	2 552	23 204	np 0	23 204	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	21 342	
9 Chilen, Hannah	82	1638		np 0	np 0	2 368	np 0	np 0	13 303	26 171	25.3 170.5	np 0	np 0	np 0	26 287	23 338	np 0	
10 McGalliard, Amanda	81	1278		12 211	3 340	18 139	7 276	11 319	15 301	np 0	12 318	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
11 Brodsky, Anya	81	1256		np 0	7 276	3 340	3 340	np 0	np 0	np 0	16 300	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
12 # Leighton, Eleanor T	84	1223		2 368	21 136	5 280	8 274	np 0	np 0	15 301	17 210	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
13 Linton, Kimberly B	81	1066		10 213	18 139	np 0	np 0	21 206	29 168	23 204	np 0	np 0	np 0	np 0	32 275	np 0	np 0	
14 # Kehoe, Rebecca	83	1004		8 274	np 0	np 0	np 0	22 205	21 206	11 319	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
15 Klein, Sophie V	81	994		9 214	17 140	15 201	6 278	15 301	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
16 Caputo, Elizabeth	81	923		np 0	27 115	32 110	np 0	12 318	26 171	np 0	11 319	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
17 # Park, Gaelyn	83	911		3 340	13 203	np 0	2 368	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
18 Conley, Monica A	81	887		np 0	np 0	10 213	np 0	np 0	19 208	16 300	31 166	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
19 # Delahanty, Katherine	83	879		6 278	15 201	np 0	1 400	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
20 # Jacobson, Raelyn	84	822		np 0	5 280	14 202	3 340	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
21 Lewis-Turner, Jessica	82	716		20 137	10 213	20 137	16 200	np 0	np 0	31 166	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
22 Kehoe, Veronica	81	713		21 136	np 0	np 0	np 0	14 302	np 0	np 0	np 0	np 0	32 275	np 0	np 0	np 0	np 0	
23 Sun, Hong Joo*	81	687		np 0	24 133	8 274	5 280	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
24 Megowan, Christine	82	638		11 212	np 0	11 212	9 214	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
25 # Harris, Caitlin	84	624		np 0	12 211	16 200	10 213	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
26 # Rurarz-Huygens, Livia D	84	608		18 139	np 0	24 133	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	24 336	np 0	
27 Blount, Ellen M	81	571		np 0	23 134	19 138	23 134	np 0	np 0	32 165	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
28 McMenamin, Sarah	82	517		17 140	np 0	12 211	np 0	np 0	31 166	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
29 Hagerty, Dawn	81	491		np 0	np 0	28 114	np 0	28 169	np 0	19 208	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
30 Thottam, Elizabeth	81	446		7 276	np 0	np 0	np 0	27 170	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
31 Venable, Kim N	81	380		np 0	9 214	np 0	np 0	31 166	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
32 Shore, Laelah R	81	369		14 202	np 0	np 0	np 0	30 167	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
33 Golia, Jennifer S	81	343		np 0	np 0	21 136	np 0	np 0	np 0	np 0	20 207	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
34 Wangner, Lauren M	81	340		16 200	np 0	17 140	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
35 Cockburn, Ashley J	81	336		np 0	np 0	22 135	15 201	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
36 Call, Meagan B	81	316		15 201	np 0	27 115	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
37 # McGlade, Jasmine A	85	314		np 0	np 0	31 111	13 203	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
38 Pieper, Anna M	81	282		np 0	np 0	25 117	np 0	np 0	32 165	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
39 # Willock, Lauren W	85	275		np 0	20 137	np 0	19 138	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
40 # Goto, Jean	84	271		np 0	22 135	np 0	21 136	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
41 # Gearhart, Sherice	84	257		np 0	25 117	np 0	17 140	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
42 Park, Sarah S	82	255		25 117	19 138	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
43 Lindsay, Lavinia C	82	211		np 0	np 0	np 0	12 211	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
44 Doherty, Kathleen	81	203		np 0	np 0	13 203	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
45 Cordi, Michelle A	81	200		np 0	16 200	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
46 Sjogren, Hanna*	81	169		np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	28 169	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
47 Horwitz, Lisa E	81	165		np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	32 165	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
48 Castillo, Carmen	82	138		19 138	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
49 # Mendel, Lucy R*	83	137		np 0	np 0	np 0	20 137	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
50T Beard-Canfield, Marley I	81	135		22 135	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	

* Permanent Resident

Youth-14

np = Did not earn points (including not competing)

1997-1998 USFA Point Standings Cadet Women's Epée

NAME	BTH	TOTAL	GRP II	97 U16's	Jan 98 CDT	98 CDT JO's	Apr 98 CDT	97 U19's	Nov 97 JNR	Jan 98 JNR	98 JNR JO's	97 CANADA	9798 NAC1	9798 NAC2	9798 NAC3	9798 NAC4	98 DIV I	Other Scores
50T # Montgomery, Aubrey R	83	135		np 0	np 0	np 0	22 135	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
52T Li, Natasha K	81	134		np 0	np 0	23 134	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
52T # Lingg, Danielle M	83	134		23 134	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
54T # Fisher, Jessica	85	133		np 0	np 0	np 0	24 133	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
54T # Weigand, Phyllis	84	133		24 133	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
56T Lichtenberger, Cristina R	82	116		26 116	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
56T Punaro, Amy A	82	116		np 0	np 0	26 116	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
56T # Remaly, Jessica L	83	116		np 0	26 116	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
59 # Shore, Rebecca A	83	115		27 115	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
60 DeFranco, Julia S	82	114		28 114	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
61 Slep, Erica P	82	113		29 113	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
62T Brown, Beth J	81	112		np 0	np 0	30 112	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
62T # Hockeborne, Amber L	84	112		30 112	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
64 Li, Margaret S	82	111		31 111	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	
65 Johannes, Lynn V	81	110		32 110	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	np 0	

Group II Points

Ament, Andrea	Cadet Worlds, Valencia, VEN, 4/7/98	6	556
Rudkin, Kate	Jr "A", Frascati, ITA, 11/23/97	12	624
Rudkin, Kate	Jr "A", Tauberbischofsheim, GER, 2/22/98	16	600
Rudkin, Kate	Cadet Worlds, Valencia, VEN, 4/7/98	7	552
Stevens, Arlene	Jr "A", Osnabrück, GER, 9/28/97	32	330
Stevens, Arlene	Jr "A", Warsaw, POL, 10/12/97	24	378
Stevens, Arlene	Jr "A", Frascati, ITA, 11/23/97	6	834
Stevens, Arlene	Jr "A", Tauberbischofsheim, GER, 2/22/98	14	612
Stevens, Arlene	Sr "A", St. Maur, FRA, 3/21/98 (SF=2.00)	28	590
Stevens, Arlene	Cadet Worlds, Valencia, VEN, 4/7/98	16	400

Place Points

* Permanent Resident
Youth-14

np = Did not earn points (including not competing)